

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **104/2023/HNGĐ – ST**
Ngày 11- 4- 2023
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Kim Sơn
2. Bà Ngô Thị Thương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2022/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST – HNGĐ ngày 27/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị T, Sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp TT, xã HKTB, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lương Văn D, Sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp TT, xã HKTB, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Hà Thị T trình bày:

Vào năm 2002 bà và ông Lương Văn D được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND Hưng Khánh Trung B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/12/2002. Trong thời gian sống chung ông, bà có 02 con chung tên Lương Hà Thế S, sinh ngày 02/10/2012 hiện

đang sống chung với bà và con chung tên Lương Hà Tiểu B, sinh ngày 03/3/2001 đã trưởng thành; trong thời gian chung sống bà và ông D không có nợ chung, về tài sản chung thì bà và ông D có ngôi nhà và các vật dụng sinh hoạt trong gia đình.

Nguyên nhân bà yêu cầu ly hôn: Do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, ông D không quan tâm chăm sóc cho vợ con, ông D thường xuyên bạo hành tin thần bà và con chung; gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, ông bà không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy ông, bà có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà có yêu cầu như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Lương Văn D. Bà không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

+ *Về con chung*: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Lương Hà Thế S, sinh ngày 02/10/2012, bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên Lương Hà Tiểu B, sinh ngày 03/3/2001 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

+ *Về tài sản chung*: Bà không yêu cầu giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Không có nên không yêu cầu giải quyết

Bị đơn ông Lương Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị T đối với bị đơn ông Lương Văn D. Cho bà Hà Thị T được ly hôn đối với ông Lương Văn D. Về con chung: Giao con chung tên Lương Hà Thế S cho bà Hà Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, do bà Hà Thị T không yêu cầu ông Lương Văn D cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét. Đối với con chung tên Lương Hà Tiểu B, sinh ngày 03/3/2001 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Lương Văn D hiện có đăng ký thường trú tại ấp TT, xã HKTB, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bà Hà Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lương Văn D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Hà Thị T và ông Lương Văn D.

[4] Về nội dung:

Về hôn nhân: Bà Hà Thị T và ông Lương Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Khánh Trung B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/12/2002. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà T, ông D được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân bà T xin ly hôn với ông D là do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, ông D không quan tâm chăm sóc cho vợ con; gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, ông bà không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy: Từ năm 2019 cho đến nay bà T và ông D không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặt khác ông D biết rõ việc bà T xin ly hôn với ông, Tòa án đã tạo điều kiện để bà T, ông D hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng ông D vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà T, ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp. Do bà Hà Thị T và ông Lương Văn D không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: Bà Hà Thị T và ông Lương Văn D có 02 con chung tên Lương Hà Tiểu Bổng và Lương Hà Thế S. Xét thấy: Từ khi bà T và ông D không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau thì con chung do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần; Mặc khác con chung tên Lương Hà Thế S, sinh ngày 02/10/2012 có nguyện vọng sống chung với bà T. Lễ đó cần giao cho bà T được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với con chung tên Lương Hà Tiểu B, sinh ngày 03/3/2001 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Bà Hà Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm a, b khoản 1 Điều 227, 228, 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Hà Thị T. Bà Hà Thị T được ly hôn với ông Lương Văn D.

Do bà Hà Thị T và ông Lương Văn D không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét.

2. Về con chung: Bà Hà Thị T được trực tiếp nuôi con chung tên Lương Hà Thế S, sinh ngày 02/10/2012. Do bà Hà Thị T không yêu cầu ông Lương Văn D cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Đối với con chung tên Lương Hà Tiêu B, sinh ngày 03/3/2001 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Hà Thị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008527 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Bến Tre
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- UBND xã Hưng Khánh Trung B, huyện Chợ Lách
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Phê

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- UBND xã Tân Phong;
- Lưu.

HUỶNH THỊ PHÊ

**Caùc Hoài thaảm nhaân daân
Chuû toãi phieân toaø**

Thaảm phaùn –

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ

